

Dịch

Số 6774/QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp trình độ Đại học, Cao đẳng hệ chính qui năm 2021

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHDL Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ/GD-ĐT ngày 23/01/1995 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc cho phép trường Đại học Dân lập Duy Tân chính thức hoạt động và tuyển sinh;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Đại học;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TĐDT ngày 16/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Duy Tân về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính qui năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp cho **1224** sinh viên trình độ **Đại học** và **06** sinh viên trình độ **Cao đẳng** hệ Chính qui, các chuyên ngành học sau:

**1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp: 99 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018			1	1	2
2015-2019			2	2	4
2016-2020			2	13	15
2017-2021	1	1	40	18	60
2018-2022		13	5		18
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>14</b>	<b>50</b>	<b>34</b>	<b>99</b>

## 2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Marketing: 31 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2018-2022			1		1
2017-2021	1	3	13	9	26
2016-2020			1	1	2
2015-2019				2	2
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>15</b>	<b>12</b>	<b>31</b>

## 3. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp: 02 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2018-2022				1	1
2017-2021		1			1
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>		<b>2</b>	<b>2</b>

## 4. Chuyên ngành Ngân hàng: 08 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019				1	1
2016-2020				1	1
2017-2021		1	3		4
2018-2022		1			1
2015-2017			1		1
<b>TỔNG</b>		<b>2</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>8</b>

## 5. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Thương mại: 13 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		1	9	3	13
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>9</b>	<b>3</b>	<b>13</b>

6. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Ngoại thương: 21 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2018-2022		1			1
2017-2021	1	5	9	2	17
2016-2020			2	1	3
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	<b>21</b>

7. Chuyên ngành Công nghệ phần mềm: 89 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2018			1		1
2014-2018				2	2
2015-2019		1	2	4	7
2016-2020			4	7	11
2017-2021		7	51	10	68
<b>TỔNG</b>		<b>8</b>	<b>58</b>	<b>23</b>	<b>89</b>

8. Chuyên ngành Kỹ thuật Mạng Máy tính: 11 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2011-2013				1	1
2018-2020				1	1
2016-2020			3	1	4
2017-2021		1	4		5
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>11</b>

9. Chuyên ngành Hệ thống Thông tin Quản lý: 08 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018				1	1
2016-2020			1	2	3
2017-2021			4		4
<b>TỔNG</b>			<b>5</b>	<b>3</b>	<b>8</b>

## 10. Chuyên ngành Xây dựng dân dụng &amp; Công nghiệp: 29 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2020				3	3
2016-2021			1	5	6
2017-2011		1	14	5	20
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	<b>29</b>

## 11. Chuyên ngành Xây dựng cầu đường: 12 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2013-2018				1	1
2015-2020			1		1
2016-2021			2	1	3
2017-2011		1	6		7
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>9</b>	<b>2</b>	<b>12</b>

## 12. Chuyên ngành Quản trị Du lịch &amp; Khách sạn: 160 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018			1	1	2
2015-2019			1	3	4
2016-2020			7	9	16
2017-2021		11	92	29	132
2018-2022		1	4	1	6
<b>TỔNG</b>		<b>12</b>	<b>105</b>	<b>43</b>	<b>160</b>

## 13. Chuyên ngành Quản trị Du lịch &amp; Lữ hành: 48 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			1		1
2016-2020			2	3	5
2017-2021	1	3	28	8	40
2018-2022			2		2
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>33</b>	<b>11</b>	<b>48</b>

**14. Chuyên ngành Quản trị Du lịch & Khách sạn chuẩn PSU: 92 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2013-2017				1	1
2014-2018			1		1
2015-2019			4	1	5
2016-2020			2		2
2017-2021		12	59	11	82
2018-2022	1				1
<b>TỔNG</b>	<b>1</b>	<b>12</b>	<b>66</b>	<b>13</b>	<b>92</b>

**15. Chuyên ngành Quản trị Du lịch lữ hành chuẩn PSU: 16 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		1	4	10	15
2018-2022			1		1
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>16</b>

**16. Chuyên ngành Điều dưỡng đa khoa: 30 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		1	24	2	27
2016-2020			1	2	3
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>25</b>	<b>4</b>	<b>30</b>

**17. Chuyên ngành Dược sĩ đa khoa: 153 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2022		1			1
2016-2021			8	7	15
2015-2020			3	3	6
2014-2019			1		1
2013-2018				1	1
2017-2021	1	12	44	4	61
2016-2020			3	2	5
2017-2020			1		1
2016-2019			3	1	4
2018-2021	12	22	24		58
<b>TỔNG</b>	<b>13</b>	<b>35</b>	<b>87</b>	<b>18</b>	<b>153</b>

18. Chuyên ngành Tiếng Anh Biên, Phiên dịch: 60 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			1	2	3
2016-2020		1		1	2
2017-2021	1	3	48	2	54
2018-2022	1				1
<b>TỔNG</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>49</b>	<b>5</b>	<b>60</b>

19. Chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch: 49 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021		1	35	4	40
2016-2020			3		3
2015-2019			5	1	6
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>43</b>	<b>5</b>	<b>49</b>

20. Chuyên ngành Kế toán kiểm toán: 16 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2011-2015			1		1
2013-2017			1		1
2015-2019				2	2
2016-2020				1	1
2017-2021			7	4	11
<b>TỔNG</b>			<b>9</b>	<b>7</b>	<b>16</b>

21. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp: 33 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019			2	1	3
2016-2020			1	3	4
2017-2020			15	10	25
2016-2018			1		1
<b>TỔNG</b>			<b>19</b>	<b>14</b>	<b>33</b>

22. Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường: 07 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020			1		1
2017-2021		1	5		6
<b>TỔNG</b>		1	6		07

23. Ngành Công nghệ Thực phẩm: 20 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020			3		3
2017-2021	1	11	5		17
<b>TỔNG</b>	1	11	8		20

24. Chuyên ngành Điện tử viễn thông: 06 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020				1	1
2017-2021		1	4		5
<b>TỔNG</b>		1	4	1	6

25. Chuyên ngành Điện tự động: 29 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2018				1	1
2016-2020				3	3
2017-2021		1	23	1	25
<b>TỔNG</b>		1	23	5	29

26. Chuyên ngành Cơ Điện tử chuẩn PNU: 08 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021	1	5	2		8
<b>TỔNG</b>	1	5	2		8

27. Chuyên ngành Điện, Điện tử chuẩn PNU: 04 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021	1		3		4
<b>TỔNG</b>	1		3		4

28. Chuyên ngành Ngân hàng chuẩn PSU: 7 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2019		1			1
2017-2021			3	3	6
<b>TỔNG</b>		1	3	3	7

29. Chuyên ngành Quản kinh doanh chuẩn PSU: 23 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2018-2022			1		1
2017-2021		2	9	9	20
2015-2019				1	1
2014-2018			1		1
<b>TỔNG</b>		2	11	10	23

30. Chuyên ngành Kế toán & Kiểm toán chuẩn PSU: 06 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020				1	1
2017-2021			4	1	5
<b>TỔNG</b>			4	2	06

31. Chuyên ngành Kỹ thuật công trình xây dựng chuẩn CSU: 07 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2014-2019				1	1
2016-2021			1		1
2017-2021	1		4		5
<b>TỔNG</b>	1		5	1	7

32. Chuyên ngành Kiến trúc chuẩn CSU: 02 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2021			1		1
2015-2020			1		1
<b>TỔNG</b>			2		2

33. Chuyên ngành Công nghệ phần mềm chuẩn CMU: 35 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			17	10	27
2016-2020			3		3
2015-2019		1	3		4
2013-2017			1		1
<b>TỔNG</b>		<b>1</b>	<b>24</b>	<b>10</b>	<b>35</b>

34. Chuyên ngành Kỹ thuật mạng chuẩn CMU: 04 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			2	2	4
<b>TỔNG</b>			<b>2</b>	<b>2</b>	<b>4</b>

35. Chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý chuẩn CMU: 05 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			3	2	5
<b>TỔNG</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>5</b>

36. Chuyên ngành Kiến trúc công trình: 03 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2012-2017			1	1	2
2017-2019			1		1
<b>TỔNG</b>			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>3</b>

37. Chuyên ngành Kiến trúc nội thất: 03 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2020			1		1
2012-2017			2		2
<b>TỔNG</b>			<b>3</b>		<b>3</b>

**38. Chuyên ngành Văn báo chí: 02 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2020			1	1	2
<b>TỔNG</b>			<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>

**39. Chuyên ngành Văn hóa du lịch: 05 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			5		5
<b>TỔNG</b>			<b>5</b>		<b>05</b>

**40. Ngành Quan hệ quốc tế: 28 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2013-2017			1		1
2014-2018			1		1
2015-2019			3		3
2016-2020			4	2	6
2017-2021		8	9		17
<b>TỔNG</b>		<b>8</b>	<b>18</b>	<b>2</b>	<b>28</b>

**41. Ngành Truyền thông đa phương tiện: 03 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			3		3
<b>TỔNG</b>			<b>3</b>		<b>03</b>

**42. Ngành Luật kinh tế: 37 Sinh viên**

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2021			25	5	30
2016-2020			5	1	6
2015-2019			1		1
<b>TỔNG</b>			<b>31</b>	<b>6</b>	<b>37</b>

*Nas*

43. Ngành Cao đẳng Công nghệ thông tin: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2019				1	1
<b>TỔNG</b>				<b>1</b>	<b>1</b>

44. Ngành Cao đẳng Kỹ thuật công trình xây dựng: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2019			1		1
<b>TỔNG</b>			<b>1</b>		<b>1</b>

45. Ngành Cao đẳng Quản trị khách sạn: 02 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2017-2020				2	2
<b>TỔNG</b>				<b>2</b>	<b>2</b>

46. Ngành Cao đẳng Quản trị khách sạn Chuẩn PSU: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2016-2019				1	1
<b>TỔNG</b>				<b>1</b>	<b>1</b>

47. Ngành Cao đẳng Tiếng Anh: 01 Sinh viên

KHÓA	XẾP LOẠI				TỔNG
	XUẤT SẮC	GIỎI	KHÁ	TRUNG BÌNH	
2015-2018			1		1
<b>TỔNG</b>			<b>1</b>		<b>1</b>

(tất cả đều có danh sách đính kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng đào tạo, các Khoa, Viện đào tạo, các Phòng, Ban liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lta*

Nơi nhận :

- Các Khoa;
- Các Viện đào tạo;
- Phòng ĐT;
- Phòng KH-TC;
- Phòng CTHSSV;
- Lưu VP;
- BGH.



**TS. Lê Nguyên Bảo**


DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP  
CHUYÊN NGÀNH: CAO ĐẲNG DU LỊCH  
(Kèm theo QĐ: 6774 / QĐ/DHDT ngày 31 /12 /2021)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
1	23107111201	Nguyễn Thị Bích Hoa	K23DCD	24/10/1998	Quảng Nam	Nữ	2.22	3.65	2.31	Trung bình	Khá	
2	23107111959	Nguyễn Thị Thu Uyên	K23DCD	03/03/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.07	4.00	2.19	Trung bình	Tốt	

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2021  
CT. HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
								5				
1	2210714746	Nguyễn Thi Thanh Huyền	K22PSU-DCD	01/07/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.17	4.00	2.26	Trung bình	Khá	

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ *Thanh*

*Thanh*

ThS. Nguyễn Ân



*Thanh*

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
		5											
1	1921715717	Trần Thanh	Quang	K19PSU-DLK	12/11/1995	Bình Định	Nam	2.10	3.33	2.14	Trung bình	Khá	
2	2020345426	Nguyễn Ngọc	Hiền	K20PSU-DLK	19/11/1996	Bình Định	Nữ	2.64	2.65	2.64	Khá	Tốt	
3	2121713668	Đỗ Duy	Đông	K21PSU-DLK	13/10/1997	Đà Nẵng	Nam	2.39	4.00	2.45	Trung bình	Khá	
4	2121713633	Dương Minh	Tân	K21PSU-DLK	23/09/1997	Nam Định	Nam	2.95	3.65	2.98	Khá	Tốt	
5	2120713708	Võ Bửu Bích	Tuyền	K21PSU-DLK	08/07/1997	Bình Thuận	Nữ	3.16	4.00	3.19	Khá	Xuất Sắc	
6	2121713649	Võ Anh	Thuận	K21PSU-DLK	10/11/1997	Đà Nẵng	Nam	2.68	3.65	2.72	Khá	Khá	
7	2121718480	Võ Nguyễn Đức	Trọng	K21PSU-DLK	11/09/1997	Đà Nẵng	Nam	2.57	4.00	2.62	Khá	Khá	
8	2221724310	Ngô Hoàng	Long	K22PSU-DLK	20/01/1998	Đà Nẵng	Nam	2.58	4.00	2.63	Khá	TB	
9	2221718566	Huỳnh Minh	Tuấn	K22PSU-DLK	22/05/1998	Đà Nẵng	Nam	2.55	3.65	2.58	Khá	Tốt	
10	2320711691	Phan Thị Trâm	Anh	K23PSU-DLK	02/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.70	4.00	2.75	Khá	Tốt	
11	2320715198	Trần Thị Thu	Anh	K23PSU-DLK	13/12/1999	DakLak	Nữ	2.60	4.00	2.65	Khá	Khá	
12	2321714509	Phạm Tuấn	Anh	K23PSU-DLK	20/08/1999	Đà Nẵng	Nam	2.45	4.00	2.51	Khá	Tốt	
13	23207112038	Nguyễn Thị Trâm	Anh	K23PSU-DLK	10/09/1999	Nghệ An	Nữ	3.17	4.00	3.20	Giỏi	Tốt	
14	2321716469	Nguyễn Quang Quốc	Anh	K23PSU-DLK	24/10/1999	Quảng Nam	Nam	3.23	4.00	3.26	Giỏi	Khá	
15	2321714001	Nguyễn Xuân	Anh	K23PSU-DLK	12/07/1999	Đà Nẵng	Nam	2.16	4.00	2.23	Trung bình	TB	
16	2320716597	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K23PSU-DLK	10/07/1999	TT Huế	Nữ	3.31	4.00	3.34	Giỏi	Tốt	
17	2320713132	Trần Thị Phương	Ánh	K23PSU-DLK	11/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.50	4.00	2.55	Khá	Tốt	
18	2320722325	Mai Thị Ngọc	Ánh	K23PSU-DLK	07/07/1998	Đà Nẵng	Nữ	3.44	4.00	3.46	Giỏi	Tốt	
19	23207112130	Nguyễn Thị Kim	Ánh	K23PSU-DLK	28/02/1999	Quảng Trị	Nữ	2.41	4.00	2.47	Trung bình	Tốt	
20	2320713540	Lâm Thị Thanh	Châu	K23PSU-DLK	06/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.32	3.65	3.33	Giỏi	Khá	
21	23207111035	Phạm Lê Ngọc	Diệp	K23PSU-DLK	26/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.38	4.00	3.40	Giỏi	Tốt	
22	2320716484	Vũ Hạnh	Duyên	K23PSU-DLK	28/11/1999	DakLak	Nữ	2.73	4.00	2.77	Khá	Xuất Sắc	
23	23207110051	Nguyễn Thân Kỳ	Duyên	K23PSU-DLK	08/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.23	4.00	2.30	Trung bình	Khá	
24	2320710476	Phùng Thị Mỹ	Duyên	K23PSU-DLK	16/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.44	4.00	2.50	Khá	Tốt	
25	2320716546	Phan Thị Mỹ	Duyên	K23PSU-DLK	01/08/1999	Quảng Nam	Nữ	2.83	4.00	2.87	Khá	Tốt	
26	23217112155	Huỳnh Văn	Đạt	K23PSU-DLK	29/10/1999	Phú Yên	Nam	2.81	4.00	2.85	Khá	TB	
27	2320350544	Nguyễn Hương	Giang	K23PSU-DLK	05/09/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.53	4.00	3.54	Giỏi	Tốt	
28	2220718235	Đinh Trần Hạ	Giang	K23PSU-DLK	25/10/1998	Quảng Nam	Nữ	3.41	4.00	3.43	Khá	Khá	HB
29	2320713728	Dương Hương	Giang	K23PSU-DLK	30/09/1999	Quảng Nam	Nữ	2.32	3.65	2.36	Trung bình	Tốt	
30	2320716474	Nguyễn Thu	Giang	K23PSU-DLK	05/04/1999	Kon Tum	Nữ	3.01	4.00	3.04	Khá	Tốt	
31	2320713315	Nguyễn Thị Thanh	Hà	K23PSU-DLK	16/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.55	4.00	2.60	Khá	Khá	
32	2320721744	Trần Thị Hồng	Hạnh	K23PSU-DLK	13/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.11	4.00	3.14	Khá	Tốt	
33	23207110088	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	K23PSU-DLK	29/09/1999	Quảng Nam	Nữ	3.26	4.00	3.29	Giỏi	Tốt	
34	2320716996	Vũ Gia	Hân	K23PSU-DLK	10/06/1997	Đà Nẵng	Nữ	2.60	4.00	2.65	Khá	Tốt	
35	23207110929	Đỗ Thị Phước	Hậu	K23PSU-DLK	13/09/1999	Quảng Nam	Nữ	2.85	4.00	2.89	Khá	Tốt	
36	2320714765	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	K23PSU-DLK	05/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.55	4.00	3.56	Giỏi	Tốt	
37	2321716956	Phạm	Hoà	K23PSU-DLK	06/03/1999	Đà Nẵng	Nam	2.68	4.00	2.72	Khá	TB	
38	2321216047	Võ Đức	Hùng	K23PSU-DLK	21/07/1999	Quảng Bình	Nam	2.85	4.00	2.89	Khá	Khá	
39	23217111343	Trần Thanh	Huy	K23PSU-DLK	13/12/1998	Đà Nẵng	Nam	2.80	4.00	2.85	Khá	Tốt	
40	2321714003	Đỗ Anh	Huy	K23PSU-DLK	12/07/1999	Đà Nẵng	Nam	2.53	4.00	2.58	Khá	Tốt	
41	2321712859	Lý Đăng	Huy	K23PSU-DLK	09/08/1999	Yên Bái	Nam	2.96	4.00	3.00	Khá	Khá	
42	2321716833	Trần Văn	Huy	K23PSU-DLK	01/12/1999	Nam Định	Nam	2.56	3.65	2.59	Khá	Tốt	
43	23207112099	Trần Thị Liên	Hương	K23PSU-DLK	06/04/1996	Đà Nẵng	Nữ	2.62	3.65	2.66	Khá	TB	



*Handwritten signature*

	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTK	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
						5	5	5			
20719891	Nguyễn Thủy Kiều	K23PSU-DLK	21/11/1999	Bình Định	Nữ	2.52	4.00	2.57	Khá	Khá	
23217212095	Nguyễn Thế Khang	K23PSU-DLK	12/12/1999	TT Huế	Nam	2.63	4.00	2.68	Khá	Khá	
46 23202110089	Hoàng Ngọc Khánh	K23PSU-DLK	02/09/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.52	4.00	3.54	Khá	Xuất Sắc	HB
47 2320714004	Trần Thị Xuân Lan	K23PSU-DLK	23/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.83	4.00	2.87	Khá	Tốt	
48 2320710748	Đỗ Thị Lệ	K23PSU-DLK	06/10/1999	DakLak	Nữ	3.26	4.00	3.29	Giỏi	Tốt	
49 2320711362	Trần Thị Thùy Linh	K23PSU-DLK	02/11/1999	Gia Lai	Nữ	2.40	4.00	2.46	Trung bình	Khá	
50 2320713134	Tổng Khánh Linh	K23PSU-DLK	15/07/1999	Quảng Nam	Nữ	2.71	3.65	2.75	Khá	Khá	
51 2320713564	Trần Thị Linh	K23PSU-DLK	18/05/1999	DakLak	Nữ	2.81	4.00	2.86	Khá	Khá	
52 2321714935	Lê Hồng Long	K23PSU-DLK	02/04/1999	Quảng Nam	Nam	2.95	4.00	2.99	Khá	Khá	
53 2321714520	Ngô Lê Thanh Luân	K23PSU-DLK	18/09/1998	Đà Nẵng	Nam	2.51	4.00	2.56	Khá	Khá	
54 23207111019	Trần Thị Na	K23PSU-DLK	30/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.62	4.00	2.67	Khá	Khá	
55 2321216174	Lê Xuân Nhật Nam	K23PSU-DLK	20/05/1999	Đà Nẵng	Nam	2.65	3.65	2.69	Khá	Khá	
56 2320715218	Phạm Nhật Ngân	K23PSU-DLK	06/09/1999	Bình Định	Nữ	2.20	4.00	2.26	Trung bình	Khá	
57 2320716934	Huỳnh Thị Kim Ngân	K23PSU-DLK	04/12/1999	Bình Định	Nữ	2.33	4.00	2.39	Trung bình	Khá	
58 2320714524	Lê Hồng Ngọc	K23PSU-DLK	22/02/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.55	4.00	2.60	Khá	Tốt	
59 2321712898	Hoàng Kim Ngọc	K23PSU-DLK	19/06/1999	Đà Nẵng	Nam	2.46	3.65	2.51	Khá	Khá	
60 2320714873	Đỗ Thị Minh Nguyệt	K23PSU-DLK	07/03/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.54	4.00	2.59	Khá	Tốt	
61 23217110399	Nguyễn Trường Nhân	K23PSU-DLK	20/01/1999	Quảng Nam	Nam	3.25	4.00	3.28	Khá	Xuất Sắc	HB
62 23217111965	Kim Thành Nhân	K23PSU-DLK	06/05/1999	Đà Nẵng	Nam	2.63	4.00	2.68	Khá	Khá	
63 23207111675	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	K23PSU-DLK	22/11/1999	Quảng Nam	Nữ	2.62	3.65	2.66	Khá	Khá	
64 2320711391	Trần Thị Yến Nhi	K23PSU-DLK	30/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.58	4.00	2.63	Khá	Tốt	
65 2320714529	Hà Yến Nhi	K23PSU-DLK	04/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.92	4.00	2.96	Khá	Khá	
66 2320216151	Phan Nguyên Uyên Nhi	K23PSU-DLK	01/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.40	4.00	2.46	Trung bình	Tốt	
67 23207111408	Liễu Thị Tuyết Nhung	K23PSU-DLK	24/09/1999	Bình Định	Nữ	3.43	4.00	3.45	Giỏi	Tốt	
68 23207110007	Hoàng Thị Kiều Oanh	K23PSU-DLK	19/02/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.28	3.65	2.33	Trung bình	TB	
69 2321712500	Nguyễn Trường Phong	K23PSU-DLK	21/05/1999	Đà Nẵng	Nam	2.82	4.00	2.86	Khá	Tốt	
70 2320710332	Nguyễn Hải Bảo Quyên	K23PSU-DLK	04/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.76	4.00	2.80	Khá	Tốt	
71 2320717256	Nguyễn Hoàng Quyết Quyên	K23PSU-DLK	08/03/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.72	4.00	2.76	Khá	Tốt	
72 2320712877	Trần Thị Lan Quỳnh	K23PSU-DLK	22/05/1999	Quảng Nam	Nữ	2.98	4.00	3.01	Khá	Tốt	
73 23207110331	Trần Thị Thúy Sương	K23PSU-DLK	11/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.82	4.00	2.86	Khá	Tốt	
74 2321714467	Nguyễn Phước Tài	K23PSU-DLK	28/06/1999	Đà Nẵng	Nam	2.58	3.65	2.61	Khá	Khá	
75 2320310716	Phạm Thị Minh Tâm	K23PSU-DLK	10/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.78	4.00	2.83	Khá	Xuất Sắc	
76 2321712658	Đặng Hoàng Tùng	K23PSU-DLK	18/02/1999	Đà Nẵng	Nam	2.69	4.00	2.73	Khá	Khá	
77 23207110255	Nguyễn Vũ Anh Thảo	K23PSU-DLK	15/12/1999	Quảng Nam	Nữ	3.07	4.00	3.10	Khá	Tốt	
78 2321716675	Đào Xuân Thiế	K23PSU-DLK	03/02/1998	DakLak	Nam	3.02	4.00	3.05	Khá	Tốt	
79 2320713592	Nguyễn Quỳnh Thi	K23PSU-DLK	14/05/1999	Phú Yên	Nữ	2.42	4.00	2.47	Trung bình	Khá	
80 23211110341	Lê Phước Thịnh	K23PSU-DLK	28/07/1998	Đà Nẵng	Nam	2.55	3.65	2.59	Khá	Khá	
81 23207111897	Lý Thị Minh Trang	K23PSU-DLK	30/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.48	4.00	2.54	Khá	Khá	
82 2320712306	Phan Thị Thu Trang	K23PSU-DLK	21/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.17	4.00	3.20	Giỏi	Tốt	
83 2320714706	Trần Thị Trang	K23PSU-DLK	22/12/1999	Quảng Nam	Nữ	2.51	4.00	2.56	Khá	Khá	
84 23207111521	Nguyễn Tô Hoàng Trang	K23PSU-DLK	17/10/1999	Quảng Nam	Nữ	2.86	4.00	2.90	Khá	Tốt	
85 2320712504	Nguyễn Lê Huyền Trân	K23PSU-DLK	05/04/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.87	4.00	2.91	Khá	Khá	
86 23217111053	Phan Nguyễn Nhật Trường	K23PSU-DLK	13/12/1999	Bình Định	Nam	2.80	3.65	2.83	Khá	Khá	
87 2320713613	Nguyễn Trần Tố Uyên	K23PSU-DLK	09/04/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.77	3.65	2.81	Khá	Khá	
88 2320715241	Lê Phương Uyên	K23PSU-DLK	25/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.81	4.00	2.85	Khá	Tốt	
89 2320712322	Nguyễn Thảo Vy	K23PSU-DLK	15/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.86	4.00	2.90	Khá	Khá	

ĐƠN  
HỌ  
TÊN

	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
	Nguyễn Hoàng Như Ý	K23PSU-DLK	06/02/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.57	4.00	2.62	Khá	Khá	
91	Lê Thị Hoàng Yên	K23PSU-DLK	21/10/1999	Quảng Nam	Nữ	2.41	4.00	2.46	Trung bình	Tốt	
92	Huỳnh Phú Khang	K24PSU-DLK	27/07/1998	Phú Yên	Nam	3.61	4.00	3.62	Xuất sắc	Tốt	

TRƯỜNG BAN THƯ KÝ

*(Handwritten signature)*

ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

CT. HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP  
CHUYÊN NGÀNH: QT DU LỊCH - KHÁCH SẠN  
(Kèm theo QĐ: 6774 / QĐ/ĐHDT ngày 31 /12 /2021)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8IK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
							5					
1	2021717905	Hồ Phú An	K20DLK	01/08/1996	Đà Nẵng	Nam	2.36	2.65	2.37	Trung bình	Khá	
2	2020717116	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	K20DLK	16/02/1996	Đà Nẵng	Nữ	2.78	3.00	2.78	Khá	Tốt	
3	2120713531	Mai Thị An	K21DLK	12/03/1997	Quảng Ngãi	Nữ	2.48	2.65	2.49	Trung bình	Tốt	
4	2120715709	Trịnh Nguyễn Hoàng My	K21DLK	21/12/1997	Đà Nẵng	Nữ	2.40	4.00	2.46	Trung bình	Khá	
5	2021716747	Dương Ngọc Quỳnh	K21DLK	28/07/1996	Quảng Nam	Nam	2.35	3.00	2.37	Trung bình	Khá	
6	2120713751	Đặng Thị Yến	K21DLK	07/04/1997	Quảng Nam	Nữ	2.71	3.33	2.73	Khá	Tốt	
7	2220716611	Lê Thị Bích Chi	K22DLK	28/07/1998	Quảng Nam	Nữ	2.49	3.65	2.53	Khá	Khá	
8	2220217734	Nguyễn Khả Doanh	K22DLK	08/01/1998	Bình Định	Nữ	2.40	4.00	2.46	Trung bình	Tốt	
9	2220716625	Nguyễn Thị Đẹp	K22DLK	27/05/1998	Phú Yên	Nữ	2.64	3.65	2.67	Khá	Tốt	
10	2221724316	Nguyễn Thành Đức	K22DLK	18/07/1998	Đà Nẵng	Nam	2.34	3.33	2.38	Trung bình	Tốt	
11	2221714080	Giang Vương Hoàng Hải	K22DLK	21/02/1998	Đà Nẵng	Nam	2.26	3.00	2.29	Trung bình	Tốt	
12	2221326394	Trần Đức Huy	K22DLK	05/09/1998	Đà Nẵng	Nam	2.21	4.00	2.28	Trung bình	Khá	
13	2221164832	Nguyễn Thành Khoa	K22DLK	20/05/1998	Đà Nẵng	Nam	2.16	2.65	2.17	Trung bình	Khá	
14	2220716798	Lê Hoàng Tố Linh	K22DLK	03/04/1998	Daklak	Nữ	2.64	4.00	2.69	Khá	Khá	
15	2220313932	Nguyễn Nguyệt Lý	K22DLK	29/05/1998	Quảng Nam	Nữ	2.68	3.33	2.71	Khá	Khá	
16	2220326410	Lê Thị Ngân	K22DLK	24/10/1995	Đà Nẵng	Nữ	2.73	3.65	2.76	Khá	Tốt	
17	2220716902	Hồ Thị Minh Nguyệt	K22DLK	28/06/1997	Quảng Nam	Nữ	2.51	3.33	2.54	Khá	Tốt	
18	2220716986	Nguyễn Thị Phương Tâm	K22DLK	11/01/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.43	2.65	2.44	Trung bình	Tốt	
19	2220714128	Đoàn Thị Minh Tâm	K22DLK	03/01/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.40	3.00	2.42	Trung bình	Khá	
20	2220714116	Nguyễn Thị Thanh Thảo	K22DLK	16/08/1998	Quảng Nam	Nữ	2.42	3.65	2.47	Trung bình	Khá	
21	2220717023	Nguyễn Lê Hà Thu	K22DLK	01/10/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.59	3.33	2.62	Khá	Xuất Sắc	
22	2120715863	Nguyễn Thị Hoài Thương	K22DLK	10/10/1997	Đà Nẵng	Nữ	2.08	3.65	2.14	Trung bình	Khá	
23	2320722902	Nguyễn Ngọc Diệu Ái	K23DLK	17/10/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.59	3.65	2.63	Khá	Tốt	
24	2320264344	Nguyễn Hoàng Anh	K23DLK	26/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.53	4.00	3.54	Giỏi	Khá	
25	2320714368	Trần Thị Trang Anh	K23DLK	23/11/1999	Quảng Nam	Nữ	2.71	3.33	2.73	Khá	Khá	
26	2320214243	Trương Đình Nguyễn Anh	K23DLK	16/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.05	4.00	3.09	Khá	Tốt	
27	2320322443	Nguyễn Thị Kim Ánh	K23DLK	10/02/1999	Bình Định	Nữ	3.16	4.00	3.19	Khá	Tốt	
28	2320710890	Nguyễn Thái Bảo	K23DLK	18/11/1999	Quảng Nam	Nữ	2.55	3.33	2.58	Khá	Khá	
29	2321713084	Phạm Gia Bảo	K23DLK	03/02/1999	Đà Nẵng	Nam	2.16	3.65	2.21	Trung bình	Khá	
30	2320716752	Nguyễn Thị Kiều Chinh	K23DLK	27/04/1999	Quảng Ngãi	Nữ	3.00	4.00	3.04	Khá	Tốt	
31	2320712849	Võ Thị Thuý Diễm	K23DLK	14/11/1999	Gia Lai	Nữ	2.43	3.65	2.47	Trung bình	Khá	
32	2221714110	Bùi Xuân Dũng	K23DLK	01/11/1998	Đà Nẵng	Nam	2.24	3.65	2.30	Trung bình	Khá	
33	2321724781	Nguyễn Bảo Duy	K23DLK	21/05/1999	Bình Định	Nam	2.44	3.33	2.47	Trung bình	Khá	
34	2320716445	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	K23DLK	29/12/1999	Quảng Nam	Nữ	3.26	4.00	3.29	Khá	Khá	HB
35	2320322445	Võ Thị Phương Duyên	K23DLK	04/10/1999	Quảng Nam	Nữ	2.50	3.65	2.54	Khá	Khá	
36	2321710547	Phan Hoàng Đức	K23DLK	22/05/1999	Đà Nẵng	Nam	2.71	3.65	2.75	Khá	Khá	
37	2321714382	Phạm Minh Đức	K23DLK	20/03/1999	Đà Nẵng	Nam	2.19	3.65	2.25	Trung bình	Khá	
38	2220716694	Lê Thị Mỹ Hạnh	K23DLK	09/01/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.45	4.00	2.51	Khá	Tốt	
39	2320722330	Trần Thị Hạnh	K23DLK	10/09/1998	DakLak	Nữ	2.57	3.33	2.60	Khá	Tốt	
40	2321710758	Chế Anh Hào	K23DLK	09/03/1998	Đà Nẵng	Nam	2.78	3.33	2.80	Khá	Tốt	



*Handwritten signature or mark at the bottom right corner.*

	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	BHK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RLUYỆN	GHI CHÚ	
						5	5	5				
42	2320712246	Nguyễn Thị Bảo	Hân	K23DLK	13/05/1999	DakLak	Nữ	2.63	4.00	2.68	Khá	Tốt
	2321713313	Lê Đức	Hân	K23DLK	05/08/1999	Đà Nẵng	Nam	2.43	4.00	2.49	Trung bình	Khá
43	23207110518	Trần Gia	Hân	K23DLK	24/05/1999	Quảng Nam	Nữ	2.33	4.00	2.40	Trung bình	Tốt
44	2320862397	Hồ Thị Thanh	Hậu	K23DLK	04/02/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.74	3.00	2.75	Khá	Tốt
45	2320712856	Trần Thị Minh	Hiền	K23DLK	30/06/1999	Quảng Nam	Nữ	2.70	3.65	2.74	Khá	Tốt
46	2320712855	Nguyễn Văn Thục	Hiền	K23DLK	29/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.83	3.33	2.85	Khá	Tốt
47	2321717161	Nguyễn Văn	Hiệp	K23DLK	10/08/1999	Phú Yên	Nam	2.50	3.00	2.52	Khá	Tốt
48	2321716831	Võ Tá	Hiệp	K23DLK	12/03/1999	Hà Tĩnh	Nam	2.63	3.33	2.66	Khá	Khá
49	2320714402	Trần Thị Thanh	Hiếu	K23DLK	14/05/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.64	3.65	2.68	Khá	Xuất Sắc
50	2321714403	Nguyễn Minh	Hiếu	K23DLK	02/02/1999	Quảng Nam	Nam	2.51	4.00	2.57	Khá	Tốt
51	2321714766	Nguyễn Văn	Hiếu	K23DLK	17/09/1999	Đà Nẵng	Nam	2.66	4.00	2.71	Khá	Khá
52	2321710677	Bùi Tô	Hoàng	K23DLK	10/01/1999	Đà Nẵng	Nam	2.64	3.65	2.68	Khá	Khá
53	2321719719	Nguyễn Minh	Hoàng	K23DLK	20/01/1999	Đà Nẵng	Nam	2.93	4.00	2.97	Khá	Tốt
54	23203212430	Lê Thái Thanh	Hoàng	K23DLK	21/04/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.48	4.00	3.50	Giỏi	Tốt
55	2321716832	Trần Quang	Huy	K23DLK	24/03/1998	Quảng Nam	Nam	2.26	3.00	2.29	Trung bình	Khá
56	2321719749	Nguyễn Đức Phát	Hung	K23DLK	17/11/1999	Đà Nẵng	Nam	2.76	4.00	2.80	Khá	Tốt
57	2320723624	Đinh Thị	Hương	K23DLK	02/01/1999	Quảng Nam	Nữ	2.48	4.00	2.54	Khá	Tốt
58	2320717300	Nguyễn Thị	Hương	K23DLK	25/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.58	4.00	2.63	Khá	Khá
59	2320710575	Nguyễn Phan Minh	Kiều	K23DLK	23/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.85	4.00	2.90	Khá	Khá
60	2320715479	Lê Vũ Nhật	Khánh	K23DLK	14/09/1999	Quảng Nam	Nữ	2.67	4.00	2.72	Khá	Xuất Sắc
61	2321716888	Hồ Đăng	Khoa	K23DLK	30/12/1999	Đà Nẵng	Nam	2.78	4.00	2.83	Khá	Khá
62	2321714412	Lê Ngọc	Khoa	K23DLK	16/06/1999	Quảng Nam	Nam	2.76	4.00	2.81	Khá	Khá
63	2321724782	Võ Thị Thùy	Khương	K23DLK	17/02/1998	Quảng Nam	Nam	2.99	3.00	2.99	Khá	Tốt
64	2321712862	Trần Văn	Lai	K23DLK	22/10/1999	Đà Nẵng	Nam	2.54	4.00	2.60	Khá	Tốt
65	2320714420	Hà Kiều	Linh	K23DLK	04/07/1999	Quảng Nam	Nữ	2.63	3.65	2.67	Khá	Khá
66	2020346977	Lê Thị Khánh	Linh	K23DLK	12/10/1995	Đà Nẵng	Nữ	2.76	3.65	2.80	Khá	Khá
67	2320716408	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K23DLK	10/05/1999	Hà Tĩnh	Nữ	2.79	4.00	2.83	Khá	Khá
68	2320720848	Trần Thùy	Linh	K23DLK	05/09/1999	Gia Lai	Nữ	2.70	3.65	2.74	Khá	Tốt
69	2320725478	Ngô Thị Thùy	Linh	K23DLK	21/04/1999	Quảng Nam	Nữ	2.75	4.00	2.80	Khá	Tốt
70	2320713283	Huỳnh Phạm Mỹ	Linh	K23DLK	22/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.41	4.00	2.47	Trung bình	Tốt
71	23207110435	Lê Thân Diệu	Linh	K23DLK	09/11/1999	Quảng Nam	Nữ	2.63	4.00	2.68	Khá	Khá
72	2320713569	Hà Thị Thanh	Loan	K23DLK	22/07/1999	Quảng Nam	Nữ	2.70	4.00	2.75	Khá	Tốt
73	2321722339	Nguyễn Kim	Long	K23DLK	23/11/1999	DakLak	Nam	2.48	4.00	2.54	Khá	Tốt
74	23207110090	Nguyễn Thị Bích	Lợi	K23DLK	04/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.66	4.00	2.71	Khá	Khá
75	2320713096	Phạm Thị Hương	Ly	K23DLK	05/07/1999	TT Huế	Nữ	2.15	3.00	2.18	Trung bình	Tốt
76	2221217578	Hoàng Nguyễn Tùng	Minh	K23DLK	08/09/1998	Đà Nẵng	Nam	2.50	4.00	2.55	Khá	Khá
77	2321715214	Phạm Nhật	Minh	K23DLK	01/03/1999	Đà Nẵng	Nam	2.63	4.00	2.68	Khá	Tốt
78	23207110579	Nguyễn Nhật	My	K23DLK	18/04/1999	TT Huế	Nữ	2.77	3.33	2.79	Khá	Khá
79	2320714428	Kinh Thị My	My	K23DLK	01/08/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.24	3.65	2.30	Trung bình	Tốt
80	2321112711	Huỳnh	Mỹ	K23DLK	26/09/1999	TT Huế	Nam	2.62	3.33	2.65	Khá	Khá
81	2321714853	Nguyễn Văn Hoàng	Mỹ	K23DLK	02/11/1999	Quảng Nam	Nam	2.98	3.65	3.01	Khá	Khá
82	23207210201	Hồ Thị Xuân	Ny	K23DLK	13/05/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.17	4.00	3.20	Giỏi	Khá
83	2320714433	Nguyễn Thị	Nga	K23DLK	16/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.94	4.00	2.98	Khá	Tốt

*Nguyễn Thị*



STT	SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ	
							5						
	2320713114	Huỳnh Thị Thanh	Thào	K23DLK	15/08/1999	Quảng Nam	Nữ	3.10	4.00	3.13	Khá	Tốt	
128	2320714861	Nguyễn Thị Thanh	Thào	K23DLK	08/02/1999	Quảng Nam	Nữ	3.13	4.00	3.16	Khá	Tốt	
129	2320717011	Trần Thạch	Thào	K23DLK	30/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.72	4.00	2.77	Khá	Khá	
130	2320713295	Trần Hoàng	Thiên	K23DLK	11/11/1999	Quảng Nam	Nam	2.47	3.65	2.51	Khá	Tốt	
131	2320714478	Nguyễn Thị Ngọc	Thoa	K23DLK	22/11/1999	Bình Định	Nữ	2.81	4.00	2.85	Khá	Tốt	
132	2220717056	Lê Thị Thanh	Thùy	K23DLK	02/07/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.17	2.65	2.19	Trung bình	Khá	
133	2320716763	Trần Thị Thu	Thùy	K23DLK	13/08/1999	DakLak	Nữ	2.58	4.00	2.63	Khá	Khá	
134	2320711723	Nguyễn Thị Thu	Thúy	K23DLK	06/11/1997	Đà Nẵng	Nữ	2.45	3.65	2.50	Khá	Khá	
135	2320716711	Dương Thị	Thúy	K23DLK	03/10/1999	DakLak	Nữ	2.61	4.00	2.66	Khá	Tốt	
136	2320714697	Vương Trần Anh	Thư	K23DLK	25/11/1999	Quảng Nam	Nữ	2.98	4.00	3.02	Khá	Tốt	
137	2320863754	Lê Thục Khánh	Trang	K23DLK	25/03/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.09	4.00	3.12	Khá	Tốt	
138	2220717078	Mạc Tường Điền	Trần	K23DLK	13/01/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.64	3.00	2.66	Khá	Khá	
139	2121719766	Lê Tấn	Trí	K23DLK	22/10/1996	Đà Nẵng	Nam	2.76	3.33	2.78	Khá	Khá	
140	2320715413	Nguyễn Minh	Trình	K23DLK	01/04/1999	Quảng Nam	Nữ	2.66	4.00	2.71	Khá	Tốt	
141	23207110541	Trần Thị Thục	Trình	K23DLK	21/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.29	4.00	2.35	Trung bình	Khá	
142	2320719682	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	K23DLK	24/08/1999	Quảng Nam	Nữ	2.53	3.65	2.58	Khá	Khá	
143	2321716773	Nguyễn Hữu	Trình	K23DLK	02/09/1999	DakLak	Nam	2.50	3.33	2.53	Khá	Khá	
144	2321716687	Bùi Đình	Trường	K23DLK	27/12/1999	Đà Nẵng	Nam	3.49	4.00	3.51	Giỏi	Xuất Sắc	
145	2320719970	Lê Hoàng	Uyên	K23DLK	17/02/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.29	4.00	3.31	Giỏi	Tốt	
146	2320714495	Đoàn Trần Thảo	Uyên	K23DLK	16/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.53	3.65	2.57	Khá	Khá	
147	2320712661	Trần Thị Mỹ	Vi	K23DLK	15/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	2.86	4.00	2.91	Khá	Tốt	
148	2320714501	Lê Thị	Vi	K23DLK	24/09/1999	Quảng Nam	Nữ	2.42	3.65	2.47	Trung bình	Khá	
149	2321713996	Nguyễn Đức	Việt	K23DLK	31/08/1999	Đà Nẵng	Nam	2.27	3.65	2.33	Trung bình	Khá	
150	2321714868	Thái	Vinh	K23DLK	05/12/1999	Đà Nẵng	Nam	2.33	4.00	2.39	Trung bình	Khá	
151	2321711679	Lê Đức	Vũ	K23DLK	15/04/1999	Quảng Nam	Nam	2.44	3.33	2.47	Trung bình	Tốt	
152	2321713607	Nguyễn Tiến	Vương	K23DLK	09/09/1998	Đà Nẵng	Nam	2.52	4.00	2.58	Khá	Khá	
153	23217111469	Lê Đình	Vỹ	K23DLK	23/04/1999	Thanh Hóa	Nam	2.70	3.65	2.73	Khá	Khá	
154	2320714708	Huỳnh Thị Hải	Yến	K23DLK	30/05/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.89	4.00	2.93	Khá	Tốt	
155	2321122008	Trần Tấn	Đạt	K24DLK	29/10/1999	Quảng Nam	Nam	3.12	4.00	3.15	Khá	Tốt	
156	2121716828	Lê Minh	Hiếu	K24DLK	23/03/1997	Đà Nẵng	Nam	2.67	4.00	2.72	Khá	Khá	
157	2321121638	Nguyễn Minh	Hiếu	K24DLK	12/06/1999	DakLak	Nam	2.85	3.65	2.88	Khá	Tốt	
158	2321711611	Trần Hữu Hoàng	Quốc	K24DLK	17/08/1999	Quảng Nam	Nam	2.60	3.65	2.64	Khá	Tốt	
159	2321716914	Tô Anh	Tú	K24DLK	15/02/1999	Phú Yên	Nam	2.39	3.33	2.42	Trung bình	Khá	
160	24217100054	Nguyễn Thanh	Tuấn	K24DLK	01/01/1997	Quảng Nam	Nam	3.38	4.00	3.41	Giỏi	Tốt	

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ *Mạnh*

*N. Anh*

ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

CT. HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RLUYỆN	Ghi chú
1	2320717138	Nguyễn Hoàng Lan Anh	K23PSU-DLL	03/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.41	3.65	2.46	Trung bình	Tốt	
2	23207210002	Nguyễn Thị Kiều Diễm	K23PSU-DLL	31/03/1999	Gia Lai	Nữ	2.37	4.00	2.43	Trung bình	Khá	
3	2320721593	Nguyễn Xuân Diệu	K23PSU-DLL	01/09/1999	Quảng Nam	Nam	2.36	3.33	2.40	Trung bình	Tốt	
4	2321716485	Trần Minh Hậu	K23PSU-DLL	21/10/1999	Quảng Nam	Nam	2.40	4.00	2.46	Trung bình	Tốt	
5	2321863156	Vô Dương Hoàn	K23PSU-DLL	27/12/1999	Quảng Nam	Nam	2.37	3.65	2.42	Trung bình	Khá	
6	2320724556	Nguyễn Thị Bích Huệ	K23PSU-DLL	17/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.48	4.00	2.53	Khá	Khá	
7	23217110667	Nguyễn Đăng Thanh Huy	K23PSU-DLL	30/10/1999	Đà Nẵng	Nam	2.18	3.65	2.23	Trung bình	Khá	
8	2321729966	Lê Hải Long	K23PSU-DLL	16/02/1999	Quảng Bình	Nam	2.71	3.65	2.75	Khá	Tốt	
9	2320724884	Huỳnh Tiểu My	K23PSU-DLL	23/01/1999	Quảng Nam	Nữ	2.34	3.65	2.39	Trung bình	Khá	
10	2321716977	Lê Nguyễn Nhật	K23PSU-DLL	06/09/1999	Quảng Nam	Nam	2.92	3.00	2.93	Khá	Tốt	
11	2320724785	Phạm Thị Ý Nhi	K23PSU-DLL	28/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.35	4.00	3.37	Giỏi	Tốt	
12	2320724567	Lâm Trương Ngọc Quyên	K23PSU-DLL	24/07/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.35	4.00	2.41	Trung bình	Khá	
13	2320717173	Lê Thị Trang	K23PSU-DLL	12/04/1999	Gia Lai	Nữ	2.18	2.65	2.20	Trung bình	Khá	
14	2321722351	Giang Lý Việt Trung	K23PSU-DLL	04/04/1998	Đà Nẵng	Nam	2.23	3.65	2.28	Trung bình	Khá	
15	23207212050	Trần Thị Nhật Vỹ	K23PSU-DLL	09/01/1999	Quảng Nam	Nữ	2.55	3.65	2.59	Khá	Khá	
16	171575481	Huỳnh Tấn Danh	K24PSU-DLL	26/08/1993	Quảng Nam	Nam	2.43	3.00	2.45	Khá	Tốt	

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ *[Signature]*

*[Signature]*

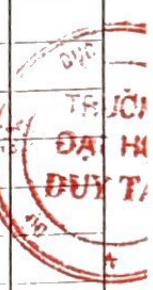
ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2021



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
1	2121715685	Nguyễn Bảo Long	K21DLL	24/12/1997	Đà Nẵng	Nam	2.54	3.65	2.59	Khá	Khá	
2	2221727289	Nguyễn Khương Duy	K22DLL	15/09/1998	Đà Nẵng	Nam	2.48	3.65	2.52	Khá	Tốt	
3	2220716690	Lê Thị Thúy Hằng	K22DLL	15/06/1998	Quảng Nam	Nữ	2.39	3.65	2.43	Trung bình	Khá	
4	2221728915	Nguyễn Văn Vĩnh Tú	K22DLL	12/02/1998	Đà Nẵng	Nam	2.47	4.00	2.52	Khá	Khá	
5	2220727389	Tường Thị Thảo	K22DLL	28/03/1998	Quảng Nam	Nữ	2.20	4.00	2.27	Trung bình	Khá	
6	2221724323	Phạm Nguyễn Hoàng Thịnh	K22DLL	17/10/1996	Đà Nẵng	Nam	2.45	3.00	2.47	Trung bình	Khá	
7	2320724879	Ngô Minh Chung	K23DLL	31/05/1999	Đà Nẵng	Nam	2.55	3.65	2.59	Khá	Tốt	
8	2321725067	Đặng Quang Đại	K23DLL	15/09/1999	Đà Nẵng	Nam	2.67	3.65	2.70	Khá	Khá	
9	2321723623	Bùi Nguyên Hà	K23DLL	18/06/1999	Đà Nẵng	Nam	2.68	4.00	2.73	Khá	Tốt	
10	2120725617	Bùi Nguyễn Hồng Hạnh	K23DLL	13/02/1997	Quảng Nam	Nữ	2.90	4.00	2.94	Khá	Khá	
11	2320725021	Lê Thị Thúy Hằng	K23DLL	09/06/1999	Gia Lai	Nữ	2.53	4.00	2.59	Khá	Khá	
12	2320717351	Trương Đình Gia Hân	K23DLL	14/09/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.41	4.00	2.47	Trung bình	Khá	
13	2320723321	Nguy Thị Hậu	K23DLL	16/09/1999	Quảng Nam	Nữ	3.32	4.00	3.35	Giỏi	Tốt	
14	2321713277	Đoàn Công Hiếu	K23DLL	16/03/1999	Đà Nẵng	Nam	2.53	4.00	2.59	Khá	Khá	
15	2321860879	Phạm Việt Hoài	K23DLL	11/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	2.90	3.65	2.93	Khá	TB	
16	2321724555	Nguyễn Nguyễn Hoàn	K23DLL	24/12/1999	Đà Nẵng	Nam	2.93	4.00	2.97	Khá	Khá	
17	23217210042	Nguyễn Hoàng	K23DLL	03/02/1999	Đà Nẵng	Nam	2.56	3.33	2.59	Khá	Khá	
18	2321720887	Phan Thanh Hoàng	K23DLL	16/09/1999	Quảng Nam	Nam	2.33	4.00	2.39	Trung bình	Khá	
19	2220716741	Trần Lê Quỳnh Hương	K23DLL	29/07/1998	Đà Nẵng	Nữ	2.58	3.33	2.61	Khá	Tốt	
20	2321729880	Lê Tấn Kỳ	K23DLL	27/07/1999	Bình Định	Nam	2.49	3.65	2.53	Khá	Tốt	
21	2321212600	Nguyễn Văn Minh Khiêm	K23DLL	06/06/1999	Đà Nẵng	Nam	2.29	4.00	2.36	Trung bình	Tốt	
22	2320722335	Nguyễn Thị Thuý Lân	K23DLL	02/05/1999	Quảng Nam	Nữ	2.99	4.00	3.02	Khá	Tốt	
23	2320717305	Nguyễn Thị Phương Loan	K23DLL	04/11/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.72	4.00	2.77	Khá	Tốt	
24	2321723324	Nguyễn Thành Long	K23DLL	08/11/1999	Đà Nẵng	Nam	2.51	3.65	2.55	Khá	TB	
25	2321723325	Nguyễn Thành Long	K23DLL	07/07/1999	Đà Nẵng	Nam	2.15	3.65	2.21	Trung bình	Khá	
26	2321725442	Lê Việt Quốc Long	K23DLL	29/10/1999	Đà Nẵng	Nam	2.45	4.00	2.51	Khá	Khá	
27	23217210564	Nguyễn Hoàng Long	K23DLL	30/08/1999	Quảng Bình	Nam	3.05	4.00	3.08	Khá	Tốt	
28	23217211454	Cao Thanh Lương	K23DLL	19/09/1999	Quảng Bình	Nam	2.75	4.00	2.79	Khá	Tốt	
29	23207210278	Nguyễn Thảo Ly	K23DLL	12/04/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.48	4.00	2.53	Khá	Khá	
30	2320723140	Nguyễn Thị Hoàng Mỹ	K23DLL	04/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.58	3.65	2.62	Khá	Khá	
31	2320724561	Trần Thị Nga	K23DLL	13/12/1999	Quảng Nam	Nữ	2.88	4.00	2.92	Khá	Tốt	
32	2320723631	Nguyễn Khương Khánh Ngọc	K23DLL	24/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.60	4.00	2.66	Khá	Khá	
33	2320724783	Đặng Thị Thảo Nguyễn	K23DLL	08/04/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.20	4.00	3.23	Giỏi	Khá	
34	23207210477	Đoàn Thị Phương	K23DLL	10/05/1999	DakLak	Nữ	2.69	3.33	2.71	Khá	Khá	
35	2320725429	Huỳnh Thị Thảo Phương	K23DLL	30/03/1999	Quảng Nam	Nữ	2.54	4.00	2.60	Khá	Khá	
36	2321725443	Hoàng Hoài Thanh	K23DLL	10/10/1999	Quảng Bình	Nam	2.31	3.33	2.35	Trung bình	Khá	
37	2321729746	Nguyễn Văn Thịnh	K23DLL	23/10/1999	Đà Nẵng	Nam	2.47	3.65	2.51	Khá	Khá	
38	23217210540	Nguyễn Việt Thống	K23DLL	20.01/1999	Quang Nam	Nam	2.50	3.33	2.53	Khá	Tốt	



*Nguyễn Văn...*

STT	SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	Giới tính	8HK	TBTN	TBTK	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI R.LUYỆN	GHI CHÚ
39	2321729757	Trần Việt	Thời	28/06/1999	Đà Nẵng	Nam	2.68	3.65	2.72	Khá	Tốt	
40	23207210345	Lại Mai Anh	Thư	13/10/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.70	4.00	3.71	Xuất sắc	Tốt	
41	2320720768	Phạm Thị Huỳnh	Trang	24/01/1999	Gia Lai	Nữ	2.37	3.65	2.42	Trung bình	Khá	
42	2320725266	Trần Thị Ngọc	Trâm	01/02/1999	Quảng Trị	Nữ	2.23	3.33	2.27	Trung bình	Khá	
43	2321723645	Giang Lý Nhật	Trung	03/06/1999	Đà Nẵng	Nam	2.50	3.65	2.54	Khá	Khá	
44	23207210935	Lê Phương	Uyên	06/05/1999	Đà Nẵng	Nữ	3.37	4.00	3.39	Giỏi	Tốt	
45	2320724582	Võ Thị Tường	Viên	11/04/1999	Quảng Nam	Nữ	2.39	4.00	2.45	Trung bình	TB	
46	2320724586	Hoàng Đặng Hải	Yến	10/09/1999	Đà Nẵng	Nữ	2.66	4.00	2.71	Khá	Tốt	
47	2321123217	Nguyễn Tùng	Lâm	14/01/1999	Quảng Trị	Nam	3.02	4.00	3.06	Khá	Tốt	
48	2321321323	Lê Đình Duy	Nguyên	06/05/1999	Đà Nẵng	Nam	3.13	4.00	3.16	Khá	Tốt	

TRƯỜNG BAN THƯ KÝ

*(Handwritten signature)*

ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 12 năm 2021

CT. HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Võ Thanh Hải

